

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22- 8 -2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Văn Minh;

Bà Vi Thị Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh **Từ Văn L**, sinh năm: 1985 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: **thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh B.**

- *Bị đơn:* chị **Hoàng Thị X**, sinh năm: 1985 (đã được triệu tập 02 lần hợp lệ nhưng vắng mặt);

Địa chỉ: **thôn T, xã C, huyện S, tỉnh B.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh **Từ Văn L** trình bày:*

Anh và chị **Hoàng Thị X** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/9/2022 tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh có khuyên bảo nhưng chị **X** không về chung sống cùng anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **X**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Chứng cứ anh **L** đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2022 ngày 27/9/2022 của **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; bản sao CCCD **Từ Văn L**; 01 xác nhận thông tin cư trú số 118/XN-CADC ngày 26/02/2024 của **Công an xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; phiếu gửi đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo cho chị **X**.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự chị **Hoàng Thị X** trình bày:* Chị **X** thừa nhận việc đăng ký kết hôn như anh **L** khai là đúng, do chị phải chăm sóc mẹ đẻ già yếu, chị còn có con riêng nên chị không về chung sống cùng anh **L**. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh **L** đề nghị ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh **L** có 01 con chung là cháu **Hoàng Duy K**, sinh ngày 23/7/2018, hiện nay đang ở cùng chị. Cháu **K** sinh ra trước khi chị và anh **L** đăng ký kết hôn nên chị khai sinh cháu **K** theo họ của chị. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về xác định anh **L** là cha của cháu **K**.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cho anh **Từ Văn L** ly hôn chị **Hoàng Thị X**;

Anh **L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh **L** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị **X** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **L**, chị **X** theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị **X** cư trú tại **huyện S, tỉnh Bắc Giang**; anh **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn”. Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh **L**, Hội đồng xét xử thấy:

Anh **L** và chị **X** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang** ngày 27/9/2022. Quan hệ hôn nhân giữa anh **L** và chị **X** là hợp pháp, do vợ chồng không hợp nhau, không chung sống cùng nhau, anh **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn chị **X**.

Anh **L** và chị **X** đều thừa nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng không chung sống cùng nhau, không có tình cảm vợ chồng, anh **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị **X** đồng ý ly hôn. Do đó, cần cho anh **L** ly hôn chị **X** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về con chung: Anh **L** xác định không có con chung, chị **X** xác định vợ chồng có con chung là cháu **Hoàng Duy K**, sinh ngày 23/7/2018 hiện cháu **K** đang do chị **X** nuôi dưỡng, chị **X** không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, không yêu

cầu Tòa án giải quyết về xác định anh **L** là cha của cháu **K** nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **L**, chị **X** xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Anh **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Cho anh **Từ Văn L** được ly hôn chị **Hoàng Thị X**.

2. Về án phí: Anh **L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008570, ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động. Xác nhận anh **L** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Đ, h.L;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu: HS, VP.

Nguyễn Xuân Thọ